

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

Đơn vị: Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Địa chỉ : Thị Trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại : 0206 3824121

Fax : 0206 3824113

Website : www.miaduongcaobang.vn

Email :

Tháng 9 năm 2019

MỤC LỤC

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro ảnh hưởng

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Tình hình đầu tư dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động công ty

1. Về các mặt hoạt động
2. Về hoạt động của Ban tổng giám đốc
3. Kế hoạch định hướng

V. Quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Năm tài chính: Từ 01/07/2018 đến 30/06/2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát .

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được sửa đổi bổ sung lần 4 : Số 4800104012 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp ngày 07/ 08/ 2018.
- Vốn điều lệ : 35.279.250.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 35.279.250.000 đồng
- Địa chỉ : Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại : 026 3824121 ; Số Fax : 026 3824113
- Website : www.miaduongcaobang.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển .

- Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty mía đường Cao Bằng được khởi công xây dựng theo Quyết định số 292/UB-QĐ ngày 16/04/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đến tháng 12/1997 nhà máy được hoàn thành và đi vào vụ sản xuất đầu tiên với công suất thiết kế là 700 tấn mía/ ngày.
- Ngày 08/07/1996 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao bằng ban hành Quyết định số 584/UB-QĐ-DN về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty mía đường Cao Bằng.
- Giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2005: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, vùng nguyên liệu phát triển chưa ổn định không cung cấp đủ nguyên liệu mía cho sản xuất, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ triền miên, Công ty có nguy cơ bị phá sản, đây cũng là tình hình chung của các công ty sản xuất mía đường trong nước. Trước những khó khăn chung của ngành sản xuất mía đường, để tháo gỡ khó khăn Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/03/2004 về việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện một số giải pháp xử lý khó khăn đối với các nhà máy và công ty đường.

- Thực hiện Quyết định 28 của Chính phủ, các khó khăn lớn về tài chính của Công ty mía đường Cao Bằng đã được giải quyết, Công ty đã được chính phủ cho phép xóa nợ thuế, nợ lãi tiền vay ngân hàng, nợ phí bảo lãnh nhập khẩu thiết bị, được cấp bù chênh lệch tỷ giá, được gia hạn trả nợ vốn vay đầu tư xây dựng Nhà máy, được bổ sung mở rộng vùng nguyên liệu mía và được sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần.
- Ngày 19/12/2005 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 3560/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty mía đường Cao Bằng thành công ty cổ phần. Ngày 20/01/2006 Đại hội đồng cổ đông sáng lập công ty được tổ chức, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng cấp ngày 14/03/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.638.960.000 đồng.
- Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2009: Sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần, công ty vẫn gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả do năng lực về tài chính còn yếu; thị trường tiêu thụ chưa ổn định; giá bán đường thấp; công suất của dây truyền sản xuất đường chưa được nâng cấp cải tạo dẫn đến thời gian vụ sản xuất kéo dài (vụ ép 2007-2008 kéo dài đến tháng 6/2008) sản xuất không hiệu quả.
- Trước những khó khăn thách thức mới, Ban lãnh đạo Công ty đã lựa chọn giải pháp đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, tăng hiệu suất thu hồi, giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm. Năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất đường từ 700 tấn mía/ ngày lên 1.800 tấn mía/ ngày, dự kiến hoàn thành trong năm 2014. Kết quả thực hiện, sau khi được đầu tư nâng cấp đến vụ sản xuất 2012-2013 công suất ép thực tế đạt 1.600 tấn mía/ ngày, các vụ sản xuất tiếp theo công suất ép thực tế đều đạt 1.700 tấn mía/ ngày, dây truyền sản xuất ổn định đáp ứng được yêu cầu đề ra, sản xuất kinh doanh của Công ty từng bước được ổn định, hiệu quả.
- Công ty đã trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1943/UBCK-QLPH ngày 01/6/2012 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM kể từ ngày 20/06/2017.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

a. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất đường kính từ cây mía;

Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

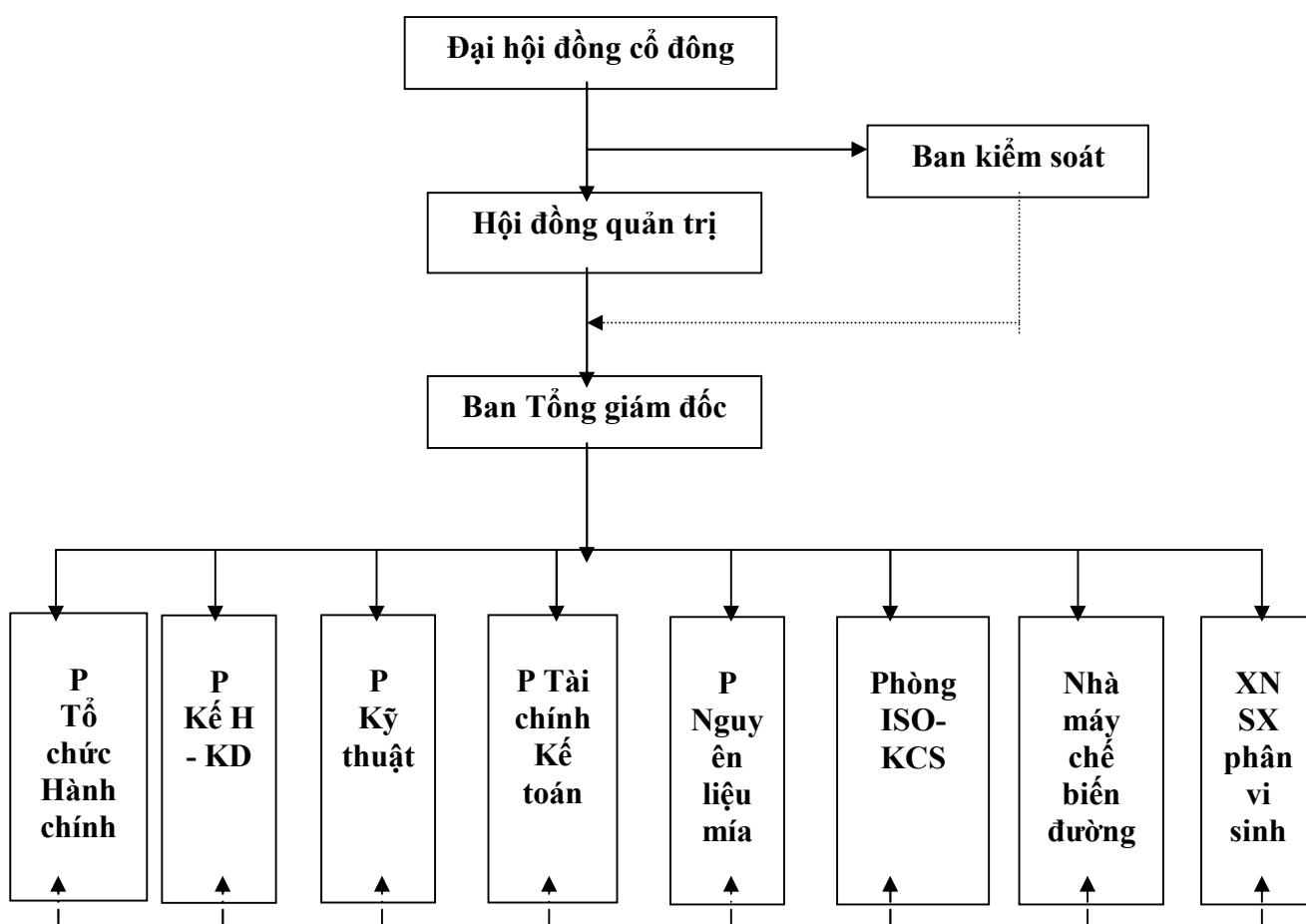
b. Địa bàn kinh doanh:

- Vùng nguyên liệu mía: Gồm Huyện Phục Hòa, Huyện Quảng Uyên, Huyện Thạch An của Tỉnh Cao Bằng.
- Địa bàn tiêu thụ: Địa bàn tiêu thụ chính trong hai năm gần nhất là các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Cao Bằng và các tỉnh lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý .

Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty



- Công ty con, công ty liên kết: Không có .

5. Định hướng phát triển :

- *Mục tiêu chủ yếu :*

Phát triển Công ty thành một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề trên cơ sở phát huy tối ưu ngành chế biến mía đường, sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, từng bước phát triển

vững chắc các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ nhằm tăng nhanh quy mô và hiệu quả kinh doanh đưa công ty thành một doanh nghiệp mạnh trên địa bàn Tỉnh Cao Bằng.

- **Kế hoạch phát triển :**

- + **Sản xuất mía đường :**

- Xây dựng vùng nguyên liệu: Ủy ban nhân Tỉnh Cao Bằng đã phê duyệt bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía giai đoạn 2012-2015 tại Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 nâng tổng diện tích mía theo quy hoạch lên 4.200 ha nằm trên 26 xã, thị trấn thuộc 03 huyện Phục Hòa, huyện Quảng Uyên, huyện Thạch An của tỉnh Cao Bằng với mục tiêu của Công ty nhằm phát triển vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững, cung cấp đủ sản lượng mía nguyên liệu từ 200.000 tấn trở lên theo lộ trình mở rộng công suất của Công ty.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công tác khuyến nông vào việc thâm canh tăng năng suất, chuyển dịch cơ cấu giống mía mới cho năng suất và chất lượng cao.

- Tiếp tục duy trì công suất chế biến đường từ 1.700 – 1.800 tấn mía/ ngày trong giai đoạn 2015-2020 trên dây chuyền công nghệ tiên tiến đảm bảo đường thành phẩm đạt chất lượng cao phù hợp thị hiếu người tiêu dùng.

- Tiếp tục củng cố mối quan hệ với chính quyền địa phương, các xã có diện tích mía và người dân trồng mía với phương châm đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân.

- + **Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.**

Đẩy mạnh sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh đảm bảo chất lượng với số lượng duy trì từ 3.000 - 4000 tấn/ năm để cung ứng cho vùng nguyên liệu mía, từng bước phát triển thêm các loại phân bón hữu cơ vi sinh phù hợp với các loại cây trồng khác nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động trong khu vực và công nhân nhà máy đường sau vụ có công việc ổn định đồng thời góp phần vào lợi nhuận chung của công ty.

- + **Sản xuất và xuất khẩu mía nguyên liệu:**

Hợp tác với đối tác Trung Quốc để mở rộng phát triển sản xuất mía nguyên liệu với mục tiêu phấn đấu từ vụ đông xuân 2017-2018 đến vụ đông xuân 2020-2021: Diện tích mía nguyên liệu đạt từ 2.850 ha đến 4.000 ha; sản lượng mía đạt từ 180.000 tấn đến 272.000 tấn mía; sản lượng mía xuất khẩu từ 30.000 tấn đến 68.000 tấn.

6. Các rủi ro :

- Kinh tế - xã hội năm 2018 nước ta vẫn trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức. Sản xuất mía đường gặp nhiều khó khăn, sản phẩm tồn kho cao, thị trường còn tiềm ẩn nhiều

yếu tố rủi ro và bất ổn, bên cạnh đó thời tiết diễn biến khó lường, dịch bệnh vẫn xảy ra trên cây trồng, vật nuôi .

- Vụ sản xuất 2018- 2019 trong tình hình chung của cả nước, ngành SX chế biến đường gặp nhiều khó khăn. Vốn cho sản xuất chủ yếu bằng vốn vay vì vậy phụ thuộc vào chính sách tín dụng của Ngân hàng, bên cạnh đó đường trong nước sản xuất đã đáp ứng đủ cho tiêu dùng song đường nhập lậu vẫn chưa kiểm soát được, thâm lậu gây dư thừa đường, tiêu thụ khó khăn , trong năm sản phẩm đường sản xuất chủ yếu tiêu thụ trong thị trường nội địa, giá tiêu thụ không ổn định.

Những yếu tố bất lợi trên đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh từ tháng 7/2018 đến hết tháng 6/2019:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017 (từ T7/17 đến hết T6/18)	Năm 2018 (từ T7/18 đến hết T6/19)		So sánh (%) số TH năm 2018 với:	
				Số kế hoạch	Số thực hiện	KH năm 2018	TH năm 2017
1	Sản lượng mía nguyên liệu	Tấn	162.172	188.000	192.716	105,51	118,83
2	Sản lượng đường SX	Tấn	16.394	17.392	18.945	108,93	115,56
3	Sản lượng phân bón VS SX	Tấn	1.104	-	-	-	-
4	Doanh thu thuần	Tr.đồng	216.152	260.522	192.146	73,75	88,89
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	(33.288)	3.680	(28.755)		
6	Nộp ngân sách	Tr.đồng	7.712	8.000	5.500	68,75	71,32
7	Vốn điều lệ	Tr.đồng	35.279	35.279	35.279	100,00	100,00
8	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	82.875	86.187	54.120	62,79	65,30

- Thành tích đạt được :**

Vụ ép 2018-2019 tổ chức tốt sản xuất; thu mua hết mía nguyên liệu cho các nông hộ, thanh toán tiền mía cho các nông hộ qua tài khoản ngân hàng (tỷ lệ thanh toán qua tài khoản chiếm 99%). Tổng sản lượng mía đã thu mua là 192.716 tấn.

Công ty đã hoàn thành quá trình cải tạo nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường, nâng công suất thiết kế từ 700 tấn mía/ ngày lên 1.800 tấn mía/ ngày. Duy trì công suất ép bình quân đạt 1.700 tấn mía ngày.

Sản xuất thành công đường kính vàng (đường hoa mai).

Tồn tại hạn chế của vụ sản xuất 2018-2019:

Diện tích sản xuất mía của các nông hộ ít, manh mún nên việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất mía gặp nhiều khó khăn, giá thành sản xuất mía cao do năng suất thấp (năng suất bình quân trong vụ đạt 60 tấn/ ha) .

Mía nguyên liệu sản xuất trong vùng nguyên liệu của công ty vẫn bị tư thương tranh mua để xuất bán lậu sang thị trường Trung Quốc.

2. Tổ chức nhân sự .

Năm 2018 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty không thay đổi.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Nông Văn Thuyết	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	

Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Trương Minh Đức	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Đinh Bé Đính	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	

Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nông Văn Lạc	Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2011	
Ông Ma Trung Lập	Phó T. Giám đốc	01 tháng 7 năm 2011	
Bà Nông Thị Nậu	Phó T. Giám đốc	01 tháng 7 năm 2011	

Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên HĐQT, BKS và ban điều hành:

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị:

2.1.1 Ông Nông Văn Lạc - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nông Văn Lạc
Số CMTND	080385530 cấp ngày 25/12/2012 tại công an Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/02/1961
Nơi sinh	Xã Chí Viễn. Huyện Trùng Khánh . Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn. Huyện Trùng Khánh. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Phường Hợp Giang. Thành phố Cao Bằng. tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3 824160
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế. Cao cấp lý luận chính trị
Quá trình công tác	
04/1985 – 11/1985	Nhân viên kế toán Sở Thương nghiệp Cao Bằng
12/1985 – 09/1987	Nhân viên kế toán tổng hợp công ty thực phẩm nông sản Cao Bằng
10/1987 – 03/1993	Phó phòng kế toán công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
04/1994 – 08/1996	Phó giám đốc công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
09/1996 – 09/2000	Trưởng phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2000 - 08/2004	Phó giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
09/2004 - 12/2005	Giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
01/2006 - 06/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	1.600.019 cổ phiếu tương ứng 45,35% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Vợ là Bà Nông Thị Hoa sở hữu 23.049 cổ phần tương ứng 0,65% vốn điều lệ; Con gái là Bà Nông Thị Thu Hà sở hữu 24.332 cổ phần tương ứng 0,69% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.2 Ông Ma Trung Lập – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Ma Trung Lập
Số CMTND	080425042 cấp ngày 09/09/2004 tại công an Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/06/1964
Nơi sinh	TT.Hòa Thuận.. H. Phục Hòa. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	TT.Hòa Thuận. Huyện Phục Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Xóm Pò Rịn. TT.Hòa Thuận. H.Phục Hòa. T.Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ điện
Quá trình công tác	
05/1995 – 02/1996	Cán bộ kỹ thuật nhà máy xi măng Cao Bằng
03/1996 – 07/1997	Phó quản đốc PX nhà máy xi măng Cao Bằng
08/1997 – 12/1997	Cán bộ kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 – 03/1998	Phó quản đốc PX cán thép công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 – 10/2000	Quyền QĐ PX sửa chữa cơ điện công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 – 07/2003	Phó phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 – 10/2004	Trưởng phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
11/2004 – 12/2005	Phó giám đốc công ty Mía đường Cao Bằng
01/2006 – 06/2011	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP Mía đường Cao Bằng

07/2011 - đến nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó chủ tịch HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật của Công ty.
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	53.508 cổ phiếu chiếm 1.52% Vốn Điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.3 Ông Lê Anh Tuấn - Thành viên HĐQT

Họ và tên	Lê Anh Tuấn
Số CMTND	085088019 cấp ngày 09/06/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/ 03/ 1960
Nơi sinh	Lạc hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	Tổ 1, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3 824174
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Đại học biên phòng
Quá trình công tác	
09/1978 – 09/1982	Sinh viên Đại học biên phòng.

10/1982 – 03/1994	Bộ đội biên phòng Cao Bằng
04/1994 – 01/1997	Phục viên ở nhà
02/1997 – 10/2000	Nhân viên Phòng Tổ chức hành chính
11/2000 – 03/2006	Phó phòng Tổ chức hành chính
04/2006 – 11/2010	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
12/2010 – đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	35.672 cổ phiếu chiếm 1.01% Vốn Điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.4 Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	Mã Thị Quyết
Số CMTND	080358911 cấp ngày 20/07/2009 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1973
Nơi sinh	Xã Hoàng Tung. Huyện Hòa An. Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hoàng Tung. Huyện Hòa An. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tập thể Nhà máy đường Phục Hòa. tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824130
Trình độ văn hoá	12/12

Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác	
12/1997 – 03/1998	NV kế toán công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 – 10/2000	Phó phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 – 12/2002	Quyền TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
01/2003 – 09/2006	TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2006 – nay	Kế toán trưởng công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	79.184 cổ phiếu. chiếm 2.24% Vốn Điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Chồng là Ông Đàm Thịnh Hưng sở hữu 8.232 cổ phần tương ứng 0.23% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.5. Ông Nông Văn Thuyết – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Nông Văn Thuyết
Số CMTND	080528076 cấp ngày 12/04/2012 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/ 07/ 1984
Nơi sinh	Xã Chí Viễn. H. Trùng Khánh. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn. H. Trùng Khánh. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tập thể Nhà máy đường Phục Hòa. T.Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824150
Trình độ văn hoá	12/12

Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ giới hóa lâm nghiệp
Quá trình công tác	
Từ tháng 9/2009 đến nay	Cán bộ kỹ thuật công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Cán bộ kỹ thuật công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	165.816 cổ phiếu. chiếm 4.7% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2. Thành viên ban kiểm soát:

2.2.1 Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	Hoàng Thị Quyết
Số CMTND	080389349 cấp ngày 10/04/2012 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1974
Nơi sinh	Xã Nam Tuấn. H. Hòa An. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Nam Tuấn. H. Hòa An. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	TT Tà Lùng. huyện Phục Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán

Quá trình công tác	
06/1996 – 12/1996	Nhân viên công ty Thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
01/1997 – 05/2006	Nhân viên công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
06/2006 – 10/2015	Phó phòng Tài chính kế toán công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2015 – nay	Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Trưởng Ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	16.072 cổ phiếu. chiếm 0.46% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2.2. Ông Trương Minh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Trương Minh Đức
Số CMTND	080468357 cấp ngày 01/07/2009 nơi cấp CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/ 02/ 1978
Nơi sinh	Xã Vân Sơn. huyện Thiệu Sơn. tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Vân Sơn. huyện Thiệu Sơn. tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	Phường Sông Bằng. Thành phố Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa công nghiệp
Quá trình công tác	
11/1999 – 12/2000	Công nhân vận hành công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
01/2001 – 10/2011	Công nhân sửa chữa điện công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2011 – 10/2013	Kỹ thuật viên xưởng công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

11/2013 – 09/2014	Nhân viên phòng kỹ thuật công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
10/2014 – đến nay	Quản đốc phân xưởng Động Lực công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS Công ty
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	11.642 cổ phiếu. chiếm 0.33% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2.3. Ông Đinh Bế Đính – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Đinh Bế Đính
Số CMTND	080375579 cấp ngày 03/08/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/ 11/ 1982
Nơi sinh	Xã Mỹ Hưng. H. Phục Hòa. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Mỹ Hưng. H. Phục Hòa. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tập thể Nhà máy đường Phục Hòa. Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ điện
Quá trình công tác	
08/2007 – 09/2011	Cán bộ kỹ thuật + Phó quản đốc Xưởng Đường công ty CP mía đường Cao Bằng
10/2011 – đến nay	Quản đốc PX Cán Ép công ty CP mía đường Cao Bằng

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	7.840 cổ phiếu, chiếm 0.22% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.3. Thành viên ban Tổng Giám đốc

2.3.1. Ông Nông Văn Lạc (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục Hội đồng quản trị)

2.3.2. Ông Ma Trung Lập (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục Hội đồng quản trị)

2.3.3. Bà Nông Thị Nậu – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nông Thị Nậu
Số CMTND	085088020 cấp ngày 09/06/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	22/ 12/ 1968
Nơi sinh	X. Hồng Định. H.Quảng Uyên. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hồng Định. Huyện Quảng Uyên. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tập thể Nhà máy đường Phục Hòa. Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824487
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác	

10/1997 – 12/1997	Nhân viên công nghệ đường công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 – 10/1998	Phó Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
11/1998 – 12/2000	Quyền QĐ PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
01/2001 – 07/2003	Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 – 11/2010	Trưởng phòng nguyên liệu mía công ty CP mía đường Cao Bằng
12/2010 – 06/2011	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 – 10/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
11/2015 - đến nay	Phó tổng giám đốc. công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó Tổng giám đốc phụ trách vùng nguyên liệu mía; Chủ tịch công đoàn Công ty.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	28.812 cổ phiếu. chiếm 0.82% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Chồng là Ông Đinh ích Bôi sở hữu 2.352 cổ phần tương ứng 0,07% vốn điều lệ; Con gái là Bà Đinh Thị Bền sở hữu 3.920 cổ phần tương ứng 0,11% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.4. Kế toán trưởng: Bà Mã Thị Quyết – Kế toán trưởng

(Số yếu lý lịch của kế toán trưởng đã được trình bày tại mục Hội đồng Quản trị)

2.5. Cơ cấu lao động của Công ty:

Cơ cấu lao động ngày 30/06/2019

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học trở lên	32	8,69
2	Cao đẳng, trung cấp	48	13,04
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	288	78,27
Tổng cộng		368	100%

Thu nhập của người lao động

	Niên độ 2016 - 2017	Niên độ 2017 - 2018	Niên độ 2018 - 2019
Mức lương bình quân	5.431.000 đồng/người/tháng	4.949.000 đồng/người/tháng	5.350.000 đồng/người/tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .

Dây truyền sản xuất chế biến đường được bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, trong năm đầu tư xây dựng, lắp đặt mới một số thiết bị gồm: Nhà kho thành phẩm, Biển tần cho máy ép, Bộ quá nhiệt lò hơi... tổng mức đầu tư là 4,705 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính:

a> Tình hình tài chính

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đ	164.807	190.227	+15,42
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	216.152	162.146	-24,99
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	(32.713)	(28.899)	
4	Lợi nhuận khác	Tr.đ	(575)	211	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	(33.288)	(28.686)	
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	(33.288)	(28.755)	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%			

b> Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,94	0,81	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,26	0,09	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,49	0,71	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,98	2,51	

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	3,64	3,07	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,31	0,85	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	-	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .

a> Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 3.527.925 cổ phần
- Loại CP đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 3.527.925 cổ phần
- Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 271.644 CP không được chuyển nhượng trong 3 năm tính từ năm 2015.

b> Cơ cấu cổ đông (Danh sách cổ đông có đến 30/6/2019):

Tổng số cổ đông: 348 Cổ đông, số CP: 3.527.925, tỷ lệ sở hữu 100%, trong đó:

- Cổ đông lớn: 02 Cổ đông trong đó:

+ Cổ đông lớn là cá nhân: 01 cổ đông là Ông Nông Văn Lạc, số cổ phần nắm giữ là 1.600.019 CP, tỷ lệ sở hữu 45,35%.

+ Cổ đông lớn là tổ chức: 01 cổ đông là Công ty CP TM & DV Song Phương , số cổ phần nắm giữ là 196.000CP, tỷ lệ sở hữu là 5,56%

- Cổ đông nhỏ: 346 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 1.731.906 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 49,09%, trong đó:

+ Cổ đông tổ chức: Không có

+ Cổ đông cá nhân: 346 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 1.731.906 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 49,09%,

- Cổ đông trong nước: chiếm tỷ lệ sở hữu 100%.

- Cổ đông nước ngoài: Không có.

c> Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu: Không có

d> Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e> Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .

a) Tiêu thụ nguyên liệu

Nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Mía đường Cao Bằng là cây mía. Khối lượng mía đưa vào sản xuất trong trong niên độ 2018 – 2019 là 192.716 tấn. Sau khi tiến hành sản xuất đường thì các phế phẩm được thu thập và xử lý như sau:

- Đối với bã mía: Được sử dụng làm nhiên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho dây truyền SX chế biến đường; Số lượng bã không sử dụng hết được bán ra thị trường;
- Đối với bã bùn: Được sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Mật rỉ: Được thu vào bồn chứa và bán cho cơ sở sản xuất cồn.

b) Tiêu thụ nhiên liệu

Trong dây truyền sản xuất mía đường, nguồn nhiên liệu chính mà Công ty sử dụng là bã mía làm nguyên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho chạy tuabin phát điện và cung cấp nhiệt cho nấu đường.

c) Tiêu thụ nước

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh được sử dụng trực tiếp từ nước sông Bằng Giang.

Lượng nước thải của Công ty sau quá trình sản xuất được thu gom, xử lý và xả thải đúng quy định, đảm bảo không gây các tác động xấu đến môi trường xung quanh.

c) Chính sách đối với người lao động

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:
 - Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Bồi dưỡng đội ngũ quản lý có năng lực, trình độ chuyên môn;
 - Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ;

- Thu hút nguồn nhân lực có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách lương thưởng – phúc lợi
- Xây dựng chế độ Tiền lương, thưởng và phụ cấp cho cán bộ nhân viên một cách rõ ràng, minh bạch;
- Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của Nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động;
- Thương xuyên quan tâm đến đời sống như tinh thần của cán bộ nhân viên bằng các hoạt động đoàn thể, thăm quan – du lịch hay thể dục – thể thao, ...

d) Tuân thủ pháp luật về môi trường

Công ty luôn chủ động nắm bắt và cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Mía đường Cao Bằng luôn đảm bảo tuân thủ tốt các quy định trên và chưa từng bị nhắc nhở hay xử phạt về vấn đề này.

e) Trách nhiệm đối với cộng đồng – xã hội

Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn ý thức việc phát triển gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội.

Bên cạnh việc tuân thủ nghĩa vụ về Thuế đối với nhà nước, Công ty cũng có những hoạt động thiện nguyện như: Ủng hộ các quỹ từ thiện của địa phương; Tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa; Làm nhà tình nghĩa...

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vụ 2018-2019 .

1.1. Thuận lợi:

- Vụ ép 2018-2019 công suất ép thực tế của dây truyền sản xuất chế biến đường đạt 1.700 tấn mía/, tăng 1,06 lần so vụ 2012-2013, tăng 2,42 lần so trước khi nâng công suất.

- Công ty luôn quan tâm chia sẻ lợi ích với nông dân trồng mía trong vùng được quy hoạch là điều kiện thuận lợi để phát triển ổn định bền vững vùng nguyên liệu cho công ty, Cây mía luôn được Chính quyền địa phương xác định là cây trồng mũi nhọn để phát triển kinh tế nông nghiệp .

- Các chế tài quản lý được điều chỉnh thường xuyên và sát thực tế đã phát huy tác dụng trên tất cả các lĩnh vực. Tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật qua nhiều năm kinh nghiệm đã làm chủ được máy móc thiết bị trong quá trình vận hành và cân bằng dây chuyền công nghệ sản xuất.

1.2. Khó khăn:

Đường nhập lậu không kiểm soát được đã tác động mạnh đến tình hình tiêu thụ giá tiêu thụ đường trên thị trường không ổn định, sức mua của thị trường trong nước giảm, sản phẩm đường của Công ty trong năm chủ yếu xuất bán tiêu ngạch sang Trung Quốc qua cửa khẩu Lào Cai, vì vậy bị phụ thuộc lớn vào thị trường nước ngoài.

Vùng nguyên liệu mía của Công ty bị tư thương tranh mua để xuất lậu mía nguyên liệu sang Trung Quốc, đây là khó khăn lớn hiện nay làm ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD của Công ty.

3. Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ***Công tác xây dựng và quản lý vùng mía nguyên liệu:***

- Xây dựng chiến lược đầu tư vùng nguyên liệu với các giải pháp đồng bộ trên cơ sở diện tích đã quy hoạch một cách khoa học nhằm đảm bảo sản lượng mía nguyên liệu cho nhà máy hoạt động ổn định sau khi nâng công suất .

- Quan hệ với các Trung tâm nghiên cứu khoa học để tìm bộ giống mía có năng suất, chất lượng, phù hợp điều kiện khí hậu thổ nhưỡng trong vùng. Tuyên truyền, khuyến khích nông dân đẩy mạnh việc trồng và chăm sóc mía, với cơ cấu giống, phân bón khoa học nhằm tăng năng suất, chất lượng và rải vụ hợp lý.

- Điều chỉnh quy chế quản lý đầu tư và thu mua mía khoa học, sát thực tế và xây dựng các cơ chế chính sách kinh tế hỗ trợ đầu tư nhằm phát triển ổn định vùng nguyên liệu, nâng cao năng suất chất lượng mía; Duy trì và nhân rộng hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ các hộ trồng mía có năng suất mía từ 80 tấn/ ha trở lên.

- Phối hợp với các cấp chính quyền để giúp Công ty quản lý vùng nguyên liệu và chống tranh mua tranh bán mía nguyên liệu trong vùng đã được quy hoạch. Bên cạnh đó chủ động đưa ra các giải pháp để bảo vệ vùng nguyên liệu đã đầu tư .

- ***Công tác thiết bị .***

- Đầu tư chiều sâu để nâng cao hiệu suất ép , hiệu suất tổng thu hồi , nâng cao chất lượng hạ giá thành sản phẩm. Khi kết thúc vụ ép thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng dây truyền sản xuất, hoàn thành đầu tư nâng công suất Nhà máy chế biến đường theo đúng kế hoạch đề ra.

- Quan tâm đến công tác An toàn vệ sinh lao động – An toàn thực phẩm - Phòng chống cháy nổ .

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường, không ngừng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải , khói , bụi , tiếng ồn ... bảo đảm quy chuẩn , quy phạm do Nhà Nước ban hành

- ***Công tác tài chính:***

- Quản lý và sử dụng chặt chẽ các nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn đầu tư cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh . Chủ động tìm và cân đối nguồn vốn sau khi dự án Mở rộng công suất Nhà máy đường đi vào hoạt động , vốn cho SXKD, xây dựng cơ bản , sinh hoạt của Công ty .

- Quản lý tốt chi phí, giảm thiểu giá thành sản phẩm.

- Thường xuyên theo dõi , đôn đốc thu nợ đầu tư đúng hạn đảm bảo nguồn vốn tái đầu tư cho công ty .

- Kiểm soát và sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn .

- Bổ sung các chế tài quản lý tài chính phù hợp luật pháp Nhà nước và điều lệ Công ty .

• **Công tác tổ chức - lao động - tiền lương:**

- Quản lý điều hành sản xuất thông qua quy chế, thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật và áp dụng chế tài chặt chẽ, thưởng phạt nghiêm minh nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao ý thức trách nhiệm trên mỗi cương vị được phân công, góp phần hoàn thành nhiệm vụ được giao .

- Xây dựng phương án trả lương trong điều kiện thực tế của Công ty phù hợp quy định của Nhà nước, nhằm kịp thời động viên mọi thành viên trong công ty nỗ lực phấn đấu vì tiến bộ của bản thân và phát triển của Doanh nghiệp.

- Bổ sung và giám sát chặt chẽ qui trình sản xuất chế biến đường, điều nhân xuất khẩu và các loại sản phẩm khác, đặc biệt chú trọng đến chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước.

- Phát triển nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.

• **Công tác thị trường:**

- Nắm bắt thị trường, phân tích thông tin để có kế hoạch tiêu thụ các loại sản phẩm đạt hiệu quả cao. Có chính sách đãi ngộ đối với các khách hàng để giữ mối liên hệ thường xuyên và lâu dài khi thị trường thuận lợi cũng như lúc khó khăn .

• **Công tác đoàn thể:**

- Phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng, Công đoàn, đoàn Thanh niên, và các tổ chức đoàn thể khác nhằm giáo dục ý thức trách nhiệm của người lao động cũng như phát động các phong trào thi đua nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất.

- Thực hiện đúng những qui định của Nhà nước về môi trường và thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về các mặt hoạt động của công ty .

- Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, có trách nhiệm với cổ đông, có nhiều đổi mới mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, điều hành góp phần tạo nên sự ổn định trong công ty. Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ SX chế biến vụ 2018 - 2019, việc làm và thu nhập người lao động ổn định, phát huy vai trò làm chủ của các cổ đông và người lao động, duy trì được kỷ cương của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo xây dựng, bổ sung các nội qui, qui chế sát với yêu cầu thực tế đã phát huy được tác dụng tốt trong quản lý điều hành, nâng cao ý thức làm chủ của người lao động. Trong vụ sản xuất 2018 - 2019 công ty đã không xảy ra các tệ nạn xã hội, các công tác an ninh, an toàn VSTP, ATLĐ và PCCN đều được đảm bảo tốt. Nội bộ trong HĐQT đoàn kết và thống nhất cao trong hoạch định phát triển của Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành, xây dựng quy chế và đề ra các chính sách kinh tế theo hướng tích cực để phát triển vùng nguyên liệu mía trên diện tích đã được quy hoạch, đáp ứng phù hợp lộ trình mở rộng công suất nhà máy.

2. Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị tập trung bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ sản xuất 2018-2019, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước trước ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động công ty, kịp thời điều chỉnh thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức... để mang lại hiệu quả cao.

- Trong năm tổ chức các kỳ họp HĐQT theo định kỳ và lấy ý kiến thông qua phiếu biểu quyết; đã ban hành 09 Nghị quyết, Quyết định xoay quanh các lĩnh vực như: Thông qua mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm vụ 2018 - 2019, Phê duyệt các hạng mục đầu tư nâng cấp dây truyền sản suất, Quy chế hoạt động công ty cùng nhiều nội dung liên quan khác,...

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 09/11/2018, thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017-2018 và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

- Hội đồng quản trị luôn quan tâm hàng đầu vấn đề phát triển vùng nguyên liệu mía; chỉ đạo hoàn thành dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường theo đúng kế hoạch đề ra. Vụ ép 2018-2019 đạt được: Diện tích mía là 3.018 ha; sản lượng mía nguyên liệu đạt 192.716 tấn; công suất ép bình quân đạt 1.700 tấn mía/ ngày.

3. Kế hoạch của Hội đồng quản trị :

Nền kinh tế-xã hội đầu năm 2018 của nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế thế giới chưa có nhiều chuyển biến khả quan, còn tiềm ẩn yếu tố rủi ro và được dự báo tiếp tục có những biến động khó lường. Ở trong nước sức tiêu thụ sản phẩm đường đạt thấp, giá bán tiếp tục giảm mạnh, sản phẩm tồn kho nhiều đã ảnh hưởng rất lớn đến các Doanh nghiệp sản xuất đường nói chung và Công ty nói riêng .

Trước tình hình đó Hội đồng quản trị có những kế hoạch và giải pháp sau :

- Tập trung chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện công tác tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất vụ mía đường 2018- 2019 đảm bảo đạt >150.000 tấn mía và > 16.000 tấn đường theo kế hoạch.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác đầu tư , chăm sóc vùng nguyên liệu mía theo diện tích đã được quy hoạch đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho Nhà máy đường với công suất ép bình quân 1.700 TMN và có thể cao hơn. Tiếp tục bổ sung chính sách phát triển vùng nguyên liệu mía nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía với Công ty.
- Tập trung chỉ đạo hoàn thành công tác đầu tư nâng công suất dây truyền SX đường, công tác sửa chữa bảo dưỡng dây truyền sản xuất
- Làm tốt hơn, thường xuyên hơn, chất lượng cao hơn công tác môi trường, sản xuất sạch hơn, giảm bụi và tiếng ồn, hài hoà lợi ích của doanh nghiệp với cộng đồng.
- Thực hiện tốt giải pháp về tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí sử dụng vốn. Giám sát quá trình thu nợ đầu tư để có vốn tái đầu tư vùng nguyên liệu và hoạt động sản xuất kinh doanh .
- Thực hiện nghiêm túc Quy chế quản trị Công ty theo tinh thần phát huy cao tính tự chủ, năng động sáng tạo và kỷ cương. Phân cấp, phân quyền, bổ sung và hiệu chỉnh quy chế trách nhiệm của HĐQT, Tổng giám đốc, các phó tổng giám đốc, các phòng ban đơn vị gắn với trách nhiệm vật chất. Tổ chức thông tin và cập nhật thông tin tình hình phát triển, những khó khăn thuận lợi của Công ty đến các cổ đông.
- Tạo điều kiện thuận lợi và phát huy vai trò của cá nhân và tập thể, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, phát huy văn hoá doanh nghiệp, tổ chức và nâng cao các hoạt động văn hoá thể thao du lịch cải thiện đời sống tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân lao động ngày càng gắn bó yêu mến Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2018 HĐQT không có sự thay đổi về nhân sự.

Hội đồng quản trị :

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2019	
		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch/Tổng GD	1.600.019	45,35%
Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch/Phó tổng GD	53.508	1,52%
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên/TP KH-KD	35.672	1,01%
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên/Kế toán trưởng	79.184	2,24%
Ông Nông Văn Thuyết	Thành viên/NV kỹ thuật	165.816	4,70%

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị: Hiện nay công ty chưa có các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của hội đồng quản trị:

Các cuộc họp, nghị quyết của HĐQT trong niên độ 2018 – 2019

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày	Nội dung
01	299/NQ-HĐQT	08/08/2018	Về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh
02	385/NQ-HĐQT	30/08/2018	- Chuyển nhượng bất động sản; - Kế hoạch SX đường, phân bón vụ 2018-2019.
03	420/NQ-HĐQT	01/10/2018	Về việc Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
04	607/NQ-HĐQT	17/12/2018	Về việc vay vốn ngân hàng đầu tư cho vụ sản xuất 2018-2019.
05	507/NQ-HĐQT	09/11/2018	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
06	608/QĐ-HĐQT	17/12/2018	Quyết định phê duyệt Kế hoạch SXKD niên vụ 2018-2019.

07	80/NQ-HĐQT	09/02/2019	Điều chỉnh giảm giá mua mía nguyên liệu vụ sản xuất 2018-2019.
08	165/QĐ-HĐQT	08/04/2019	Về việc gửi kho sản phẩm đường.
09	260/NQ-HĐQT	30/05/2019	Về việc xem xét chế độ cho người lao động.

Hoạt động của hội đồng quản trị theo cơ chế tập trung dân chủ tuân thủ pháp luật, điều lệ và các nghị quyết đại hội cổ đông, của hội đồng quản trị. Các thành viên hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hiện hành. Chế độ hội họp của Hội đồng quản trị thực hiện đúng quy định điều lệ và qui chế làm việc, nội dung các cuộc họp chuẩn bị chu đáo, ghi biên bản và ban hành các nghị quyết triển khai đến các cấp điều hành thực hiện.

d. Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành:

Các thành viên Hội đồng quản trị điều kiêm nhiệm chức danh điều hành quản lý Công ty.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

Danh sách Ban kiểm soát công ty:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2019	
		Số cổ phần	Tỷ lệ SH cổ phần
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban kiểm soát	16.072	0,46%
Ông Trương Minh Đức	Thành viên BKS/ QĐ PX	11.642	0,33%
Ông Đinh Bé Đính	Thành viên BKS /QĐ PX	7.840	0,22%

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát

a) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc:

Đơn vị tính; Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng
-----------	---------	-------	--------	---------	------

Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch/Tổng GD	149.259.000	0	29.280.000	178.539.000
Ông Ma Trung Lập	Phó CT/P.TGD	130.113.000	0	24.705.000	154.818.000
Ông Lê Anh Tuấn	TV/ TP KH-KD	98.153.000	0	22.875.000	121.028.000
Bà Nông Thị Nậu	P.TGD	142.848.000	0	0	142.848.000
Bà Mã Thị Quyết	TV/KTT	120.353.000	0	21.045.000	141.398.000
Ông Nông Văn Thuyết	TV HĐQT	77.633.000	0	21.045.000	98.678.000

b) Thù lao của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng ban	109.911.000	0	0	109.911.000
Ông Trương Minh Đức	TV/QĐPX	108.257.000	0	10.980.000	119.237.000
Ông Đinh Bế Đình	TV/QĐPX	124.535.000	0	10.980.000	135.515.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

STT	Tên cổ đông	Quan hệ với CĐNB	SL cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phần sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	tỷ lệ	
1	Nông Văn Lạc	CT HĐQT/TGD	1.461.419	41,42%	1.600.019	45,35%	
1.1	Nông Thị Hoa	Vợ	11.760	0,65%	23.049	0,65%	
1.2	Nông Thu Hà	Con	17.380	0,69%	24.332	0,69%	
1.3	Nông Văn Sơn	Con	0		0		
1.4	Nông Văn Ba	Em ruột	4.116	0,16%	5.762	0,16%	
2	Ma Trung Lập	P CT HĐQT /P TGD	38.220	1,52%	53.508	1,52%	
2.1	Lương Thị Hiền	Vợ	0		0		
2.2	Ma Đình Phong	Con	0		0		
2.3	Ma Thị Phương	Em ruột	0		0		

3	Lê Anh Tuấn	Tv HĐQT/ TP KH-KD	25.480	1,01%	35.672	1,01%	
3.1	Chu Thị Phương	Vợ	0		0		
3.2	Lê Quỳnh Mai	Con	0		0		
3.3	Lê Quỳnh Dung	Con	0		0		
3.4	Lê Văn Hưng	Anh ruột	0		0		
3.5	Lê Ngọc Toàn	Em ruột	0		0		
3.6	Lê Đức Thắng	Em ruột	0		0		
4	Bà Mã Thị Quyết	TV HĐQT/ KTT	56.560	2,24%	79.184	2,24%	
4.1	Đàm Thịnh Hưng	Chồng	5.880	0,23%	8.232	0,23%	
4.2	Đàm Lê An Phượng	Con	0		0		
4.3	Đàm Lê An Khánh	Con	0		0		
4.4	Mã Thị Chinh	Chị ruột	0		0		
4.5	Mã Thị Chiến	Chị ruột	0		0		
5	Nông Văn Thuyết	TV HĐQT	118.440	4,70%	165.816	4,70%	
5.1	Hoàng Thị Mai	Vợ	0		0		
5.2	Nông Thị Thủy	Chị ruột	5.376	0,21%	7.526	0,21%	
5.3	Nông Văn Trình	Em ruột	4.200	0.16%	5.880	0.16%	
5.4	Nông Chiêu Dương	Con	0		0		
6	Hoàng Thị Quyết	TB BKS	11.480	0,45%	16.072	0,46%	
6.1	Hoàng Ngọc Long	Chồng	0		0		

6.2	Hoàng Ngọc Quỳnh	Con	0		0	
6.6	Hoàng Ngọc Ân	Con	0		0	
7	Trương Minh Đức	TV BKS	8.316	0,33%	11.642	0,33%
7.1	Sầm Thị Hương	Vợ	0		0	
7.2	Trương Minh Huy	Con	0		0	
7.3	Trương Minh Tân	Con	0		0	
8	Đình Bế Đình	TV BKS	5.600	0,22%	7.840	0,22%
8.1	Nông Thị Hoạch	Vợ	1.400	0,05%	1.960	0,05%
8.2	Đình Bế Đan	Con	0		0	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm có ký Hợp đồng giao dịch mua bán hàng với cổ đông nội bộ là Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1) Ý kiến kiểm toán:

Số: 038/2019/BCKT-PB.00024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 09 năm 2019, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề được trình bày tại thuyết minh 9.4. Theo đó, tại ngày 30/06/2019, tổng nợ ngắn hạn của Công ty là 133.541.348.383 đồng trong khi đó tổng tài sản ngắn hạn là 108.771.136.279 đồng. Như vậy, nợ ngắn hạn lớn hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty là 24.770.212.104 đồng. Việc thiếu hụt vốn lưu động cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên

tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc để từng bước khắc phục tình trạng nêu trên được trình bày tại Thuyết minh 9.4. Theo đó, báo cáo tài chính tiếp tục được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

(đã ký)

(đã ký)

ONG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2019

2) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.771.136.279	75.093.017.721
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.333.599.959	937.926.685
1. Tiền	111		1.333.599.959	937.926.685
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.768.573.241	19.978.364.218
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.349.264.747	12.620.169.815
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	186.362.500	1.068.570.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.993.396.761	6.123.900.844
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(122.680.000)	(185.512.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		362.229.233	351.235.559
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	96.668.963.079	54.159.784.611
1. Hàng tồn kho	141		111.326.898.272	66.926.149.040
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.657.935.193)	(12.766.364.429)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		-	16.942.207
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	16.942.207
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.456.661.480	89.714.503.343
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		65.369.122.353	73.895.227.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	64.000.468.625	69.299.729.991
- Nguyên giá	222		242.923.809.938	238.128.744.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.923.341.313)	(168.829.014.371)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.368.653.728	4.595.497.887
- Nguyên giá	228		1.842.128.434	4.999.436.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(473.474.706)	(403.938.547)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		5.650.173.955	5.157.327.906
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	5.650.173.955	5.157.327.906
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		10.437.365.172	10.661.947.559
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	10.437.365.172	10.661.947.559
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		190.227.797.759	164.807.521.064

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		136.072.739.383	81.897.320.444
I/ Nợ ngắn hạn	310		133.541.348.383	79.365.929.444
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	26.091.575.540	7.373.731.273
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	16.895.327.600	3.010.050.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	680.670.862	367.951.441
4. Phải trả người lao động	314		1.450.869.148	2.359.978.788
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	144.000.000	276.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.462.982.164	3.391.047.373
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	80.437.168.000	59.600.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.378.755.069	2.987.170.069
II/ Nợ dài hạn	330		2.531.391.000	2.531.391.000
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.531.391.000	2.531.391.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.155.058.376	82.910.200.620
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.17	54.120.058.376	82.875.200.620
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.279.250.000	35.279.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.279.250.000	35.279.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.943.264.691	3.943.264.691
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.894.768.803	66.894.768.803
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.986.262.112	9.986.262.112
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(61.983.487.230)	(33.228.344.986)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(33.228.344.986)	59.538.963
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(28.755.142.244)	(33.287.883.949)
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.000.000	35.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		190.227.797.759	164.807.521.064

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	162.180.715.608	216.301.020.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	34.910.285	149.055.522
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		162.145.805.323	216.151.964.637
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	181.083.070.427	237.060.090.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(18.937.265.104)	(20.908.125.584)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	78.550.005	42.097.489
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3.743.542.194	3.109.536.857
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.685.893.148</i>	<i>3.051.985.287</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	1.132.519.049	1.377.075.146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	5.162.940.370	7.360.438.349
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.897.716.712)	(32.713.078.447)
11. Thu nhập khác	31	6.8	4.336.801.439	7.754.609.331
12. Chi phí khác	32	6.9	4.125.688.571	8.329.414.833
13. Lợi nhuận khác	40		211.112.868	(574.805.502)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(28.686.603.844)	(33.287.883.949)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	68.538.400	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(28.755.142.244)	(33.287.883.949)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(8.151)	(9.436)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	(8.151)	(9.436)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chi tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	181.834.803.210	237.374.995.835
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(171.376.618.527)	(204.144.330.417)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.393.278.221)	(15.777.815.753)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.817.893.148)	(4.194.300.194)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(68.538.400)	(3.417.378.081)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	262.860.741	1.704.189.134
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.390.991.541)	(23.831.779.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(17.949.655.886)	(12.286.418.516)
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.003.132.914)	(9.236.972.260)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.500.000.000	58.545.454
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	23.641.619
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.471.018	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.489.661.896)	(9.154.785.187)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	141.837.168.000	125.100.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(121.000.000.000)	(115.501.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.703.200)	(2.901.503.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.830.464.800	6.697.496.240
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	391.147.018	(14.743.707.463)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	937.926.685	15.681.634.148
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	4.526.256	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.333.599.959	937.926.685

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nông Văn Lạc

